THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1643/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2011*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2011 - 2015

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2011 - 2015 với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát:

Trên cơ sở kết quả đạt được của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2010, tiếp tục mở rộng phổ cập các dịch vụ viễn thông và Internet đến mọi người dân, hộ gia đình trên cả nước; phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông băng rộng để đáp ứng phổ cập dịch vụ tại vùng viễn thông công ích nhằm rút ngắn khoảng cách về sử dụng dịch vụ viễn thông và Internet giữa các vùng miền trên cả nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng.

2. Mục tiêu cụ thể:

Đến năm 2015, bảo đảm:

a) 100% số xã được kết nối bằng đường truyền dẫn băng rộng đa dịch vụ;

b) Tăng thêm 1 triệu hộ gia đình tại các xã đặc biệt khó khăn có thuê bao điện thoại cố định;

c) Nâng mật độ thuê bao Internet theo hộ gia đình tại các xã thuộc các huyện có mật độ dưới 2% lên trên 5%;

d) Trên 50% số xã thuộc 69 huyện nghèo có điểm truy nhập Internet công cộng;

đ) Mọi người dân được truy nhập miễn phí khi sử dụng các dịch vụ viễn thông bắt buộc;

e) Duy trì kết quả đạt được của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2010 theo Quyết định số 74/2006/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

II. NHIỆM VỤ

1. Hỗ trợ một phần kinh phí cho các dự án phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông tại vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, bao gồm:

a) Hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông tại các xã chưa có hạ tầng truyền dẫn băng rộng và các đảo xa bờ;

b) Hỗ trợ nâng cấp và mở rộng cơ sở hạ tầng viễn thông tại các xã thuộc 69 huyện nghèo và các đảo xa bờ;

c) Hỗ trợ phát triển mới 500 điểm truy nhập Internet công cộng tại các xã thuộc 69 huyện nghèo và các đảo xa bờ;

d) Hỗ trợ việc nâng cao chất lượng và khả năng cung cấp dịch vụ viễn thông đối với các Điểm Bưu điện - Văn hóa xã tại các xã thuộc Chương trình 135 giai đoạn II của Chính phủ và các đồn biên phòng.

2. Hỗ trợ một phần kinh phí cho người dân sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, bao gồm:

a) Hỗ trợ cước sử dụng dịch vụ điện thoại cho chủ thuê bao điện thoại cố định phát triển mới là các hộ gia đình tại các xã thuộc Chương trình 135 giai đoạn II của Chính phủ;

b) Hỗ trợ kinh phí trang bị máy tính để lắp đặt thuê bao Internet và cước sử dụng dịch vụ cho các hộ gia đình tại các xã thuộc các huyện có mật độ thuê bao Internet theo hộ gia đình dưới 2%;

c) Hỗ trợ kinh phí trang bị máy thu phát sóng vô tuyến HF cho tàu cá;

d) Hỗ trợ cước sử dụng dịch vụ cho các chủ thuê bao điện thoại cố định khu vực 3 thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Quyết định số 74/2006/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ đến hết năm 2013.

3. Hỗ trợ một phần kinh phí cho các doanh nghiệp để duy trì cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, bao gồm:

a) Hỗ trợ kinh phí duy trì các điểm truy nhập Internet công cộng phát triển mới tại các xã thuộc 69 huyện nghèo, các đảo xa bờ, các đồn biên phòng;

b) Hỗ trợ kinh phí duy trì cung cấp dịch vụ điện thoại cố định phát triển mới tại các hộ gia đình trong các xã thuộc Chương trình 135 giai đoạn II của Chính phủ;

c) Hỗ trợ kinh phí duy trì cung cấp dịch vụ Internet phát triển mới tại các hộ gia đình trong các xã thuộc các huyện có mật độ thuê bao Internet theo hộ gia đình dưới 2%;

d) Hỗ trợ kinh phí duy trì các điểm truy nhập dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2010 theo Quyết định số 74/2006/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ đến hết năm 2013.

4. Hỗ trợ một phần kinh phí cho các doanh nghiệp để bảo dưỡng, vận hành mạng, các thiết bị được sử dụng cho việc cung cấp dịch vụ viễn thông bắt buộc.

5. Hỗ trợ một phần kinh phí nghiên cứu phát triển để sản xuất thiết bị đầu cuối viễn thông phục vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

6. Cho vay ưu đãi đối với các dự án nâng cấp, mở rộng, phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông tại vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

III. DANH MỤC DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Dịch vụ viễn thông công ích bao gồm dịch vụ viễn thông phổ cập và các dịch vụ viễn thông bắt buộc:

1. Dịch vụ viễn thông phổ cập:

a) Dịch vụ điện thoại cố định nội hạt;

b) Dịch vụ truy nhập Internet có tốc độ tối thiểu 256 kb/s.

2. Dịch vụ viễn thông bắt buộc:

a) Dịch vụ viễn thông phục vụ tìm kiếm, cứu nạn, phòng, chống thiên tai theo quy định của cấp có thẩm quyền;

b) Dịch vụ liên lạc khẩn cấp: Cấp cứu y tế, an ninh - trật tự xã hội, cứu hỏa;

c) Dịch vụ trợ giúp tra cứu số máy điện thoại cố định;

d) Các dịch vụ viễn thông phục vụ các hoạt động khẩn cấp của Nhà nước theo quy định của cấp có thẩm quyền.

IV. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích:

a) Vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được xác định theo đơn vị hành chính cấp xã trong các địa bàn tương ứng với mỗi nhiệm vụ của Chương trình được quy định tại phần II Điều 1 của Quyết định này, bao gồm: Các xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 giai đoạn II theo quy định của Chính phủ; các xã thuộc 69 huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ và Quyết định số 615/QĐ-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ; các xã thuộc 41 đảo xa bờ; các xã thuộc các huyện có tỷ lệ thuê bao Internet theo hộ gia đình dưới 2% và các xã chưa có hạ tầng

truyền dẫn băng rộng theo kết quả điều tra thống kê tại thời điểm ngày 01 tháng 6 năm 2010;

b) Các dịch vụ viễn thông bắt buộc được hỗ trợ cung cấp trên toàn quốc.

2. Đối tượng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích:

a) Các đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông tại các điểm truy nhập dịch vụ viễn thông công cộng tại các xã thuộc Chương trình 135 giai đoạn II của Chính phủ, các xã thuộc 69 huyện nghèo, các đảo xa bờ, các đồn biên phòng;

b) Các chủ thuê bao điện thoại cố định là hộ gia đình sinh sống tại các xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 giai đoạn II của Chính phủ;

c) Các chủ thuê bao Internet là hộ gia đình sinh sống tại các xã thuộc các huyện có tỷ lệ thuê bao Internet theo hộ gia đình dưới 2%;

d) Các đối tượng sử dụng máy thu phát sóng vô tuyến HF trên tàu cá;

đ) Các chủ thuê bao điện thoại cố định tại khu vực 3 thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Quyết định số 74/2006/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

V. TÀI CHÍNH

1. Nguồn tài chính của Chương trình:

a) Nguồn thu từ doanh nghiệp viễn thông: Thu 2% của tổng doanh thu dịch vụ điện thoại di động;

b) Nguồn kinh phí chuyển tiếp của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2010 theo Quyết định số 74/2006/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ;

c) Vốn điều lệ của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

2. Sử dụng nguồn:

a) Kinh phí thực hiện Chương trình khoảng 7.000 tỷ đồng (không bao gồm phần vốn cho vay ưu đãi) với cơ cấu như sau:

- Kinh phí hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông: 21%.

- Kinh phí hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ viễn thông công ích: 34,5%.

- Kinh phí hỗ trợ các doanh nghiệp để duy trì cung cấp dịch vụ viễn thông công ích: 29,5%.

- Kinh phí hỗ trợ cho các nhiệm vụ còn lại: 10%.

- Kinh phí khác, dự phòng: 5%.

b) Kinh phí cho vay ưu đãi: Vốn điều lệ của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

3. Nội dung hỗ trợ tài chính của Chương trình:

Thực hiện theo các nhiệm vụ quy định tại phần II Điều 1 của Quyết định này.

VI. GIẢI PHÁP VÀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ

1. Xác định danh mục dịch vụ, vùng, đối tượng thụ hưởng của Chương trình:

Việc xác định và công bố danh mục dịch vụ viễn thông công ích, danh mục vùng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, định mức hỗ trợ cho từng đối tượng thụ hưởng, từng dịch vụ được thực hiện đồng bộ căn cứ theo mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình.

2. Kế hoạch và phân kỳ kế hoạch thực hiện Chương trình:

Kế hoạch tổng thể thực hiện Chương trình được phân chia thành kế hoạch hàng năm hoặc kế hoạch triển khai của các dự án tuân thủ theo các mục tiêu cụ thể của Chương trình.

3. Phương thức thực hiện Chương trình:

a) Việc hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông, cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được cụ thể hóa theo kế hoạch bằng các dự án hoặc đơn đặt hàng cung cấp dịch vụ;

b) Các doanh nghiệp được giao thực hiện các dự án hoặc đơn đặt hàng cung cấp dịch vụ thông qua phương thức đặt hàng hoặc đấu thầu, trong đó ưu tiên phương thức đấu thầu;

c) Nguồn vốn hỗ trợ từ Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam cho các dự án phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông được thực hiện thông qua phương thức Nhà nước đặt hàng hoặc đấu thầu; các doanh nghiệp thực hiện tiếp nhận, quản lý tài sản hình thành sau đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, quản lý, khai thác, chuyển giao các tài sản và vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

4. Quản lý chất lượng, giá cước dịch vụ trong các dự án và đơn đặt hàng:

Trong từng dự án, đơn đặt hàng được phê duyệt phải bao gồm các nội dung về loại hình dịch vụ, chất lượng, giá cước dịch vụ, định mức hỗ trợ để quản lý và kiểm soát.

5. Điều chỉnh nguồn thu từ các doanh nghiệp viễn thông:

Căn cứ nhu cầu kinh phí và đánh giá nguồn thu từ thực tế thực hiện Chương trình, Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính điều chỉnh tỷ lệ thu từ các doanh nghiệp viễn thông cho phù hợp.

6. Kết hợp, lồng ghép Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích với các chương trình mục tiêu khác của Nhà nước:

Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương để kết hợp thực hiện các dự án khác có cùng mục tiêu, nhiệm vụ và địa điểm để tránh trùng lặp gây lãng phí về nhân lực và tài chính; các dự án viễn thông công ích cần thực hiện đồng bộ với điều kiện hạ tầng khác để phát huy hết hiệu quả.

7. Thực hiện chế độ báo cáo và giám sát, kiểm tra và đánh giá thực hiện Chương trình theo các quy định của Nhà nước.

8. Tăng cường tuyên truyền về chính sách viễn thông công ích của Nhà nước tới mọi người dân, doanh nghiệp và xã hội nhằm đảm bảo sự công bằng, minh bạch và tạo điều kiện giám sát các hoạt động về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Thông tin và Truyền thông:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện Chương trình;

b) Ban hành các quy định về chất lượng, giá cước, đối tượng, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và hướng dẫn danh mục dịch vụ viễn thông công ích;

c) Phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình;

d) Quy định phương thức hỗ trợ và chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính phê duyệt định mức hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của chương trình theo quy định của pháp luật;

đ) Phê duyệt các dự án phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông và cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh tỷ lệ thu từ các doanh nghiệp viễn thông cho phù hợp với tình hình thực tế thực hiện Chương trình;

g) Quy định chế độ báo cáo thực hiện Chương trình; chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình để báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

h) Chỉ đạo tổng kết, đánh giá khi Chương trình kết thúc và xây dựng Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích cho giai đoạn 2016 - 2020.

2. Bộ Tài chính:

a) Chủ trì phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành quy định về việc hạch toán, thu nộp các khoản đóng góp cho Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Quy chế quản lý tài chính Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam;

b) Chủ trì phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện việc quản lý, chuyển giao tài sản hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ của Chương trình;

c) Hướng dẫn các nội dung liên quan đến chính sách thuế đối với lĩnh vực viễn thông công ích;

d) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc quy định định mức hỗ trợ cho các nhiệm vụ của Chương trình;

đ) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông báo cáo Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh tỷ lệ thu từ các doanh nghiệp viễn thông cho phù hợp với tình hình thực tế thực hiện Chương trình;

e) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông giám sát, kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình và đánh giá hiệu quả Chương trình.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc thực hiện hỗ trợ đầu tư cho các dự án phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông thuộc Chương trình;

b) Phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc quản lý, chuyển giao tài sản hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ của Chương trình;

c) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông giám sát, kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư thực hiện Chương trình và đánh giá hiệu quả Chương trình.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Phối hợp, đề xuất với Bộ Thông tin và Truyền thông, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam trong việc xây dựng kế hoạch cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại địa phương;

b) Quản lý, thực hiện các nội dung cụ thể của Chương trình theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; kiểm tra, xử lý vi phạm về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại địa phương;

c) Chỉ đạo các Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam quản lý các dự án cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại địa phương.

5. Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam:

a) Chủ trì, phối hợp với các địa phương, doanh nghiệp xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình, trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt;

b) Tổ chức thực hiện Chương trình trên cơ sở kế hoạch đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật;

c) Phối hợp với các địa phương, doanh nghiệp tổ chức thực hiện việc hỗ trợ theo nhiệm vụ Chương trình;

d) Tiếp nhận và quản lý nguồn tài chính do các doanh nghiệp viễn thông đóng góp để thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức tuyên truyền về chính sách viễn thông công ích của Nhà nước tới người dân, doanh nghiệp và xã hội.

6. Các doanh nghiệp viễn thông:

a) Được tham gia bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin và dự thầu thực hiện các kế hoạch, dự án cung cấp dịch vụ viễn thông công ích của Chương trình; thực hiện các kế hoạch, dự án cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo đặt hàng của Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Chấp hành các quy định của Nhà nước về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

c) Thực hiện nghĩa vụ đóng góp tài chính về viễn thông công ích theo quy định của pháp luật;

d) Có trách nhiệm sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả vốn từ Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam trong việc thực hiện các kế hoạch, dự án cung cấp dịch vụ viễn thông công ích của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Thiện Nhân